

Các trường hợp ngân hàng sử dụng quyền quyết định đóng tài khoản và cách thức xử lý số dư còn lại trên tài khoản phải được thông báo trước cho chủ tài khoản hoặc được niêm yết công khai.

2. Thủ tục đóng tài khoản do ngân hàng quy định phù hợp với đặc thù hoạt động của đơn vị mình và phải thông báo công khai.

3. Sau khi tài khoản bị đóng, nếu khách hàng muốn sử dụng tài khoản phải làm lại thủ tục mở tài khoản.

Điều 15. Giải quyết tranh chấp và xử lý vi phạm.

Các bên có trách nhiệm tuân thủ các quy định về mở và sử dụng tài khoản tại Quy chế này, các quy định pháp luật khác có liên quan và các thỏa thuận đã có giữa các bên. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị phạt, xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 16. Hiệu lực thi hành.

1. Các hồ sơ mở tài khoản thực hiện theo quy định tại Phần I Thông tư số 08/TT-NH2 ngày 02/6/1994 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Điều 2 Quyết định số 160/QĐ-NH ngày 19/8/1993 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, đến nay còn phù hợp với quy định tại Quy chế này thì vẫn có giá trị sử dụng tiếp.

2. Căn cứ các quy định của Quy chế này, các ngân hàng phải tiến hành kiểm tra để bổ sung, hoàn chỉnh các hồ sơ mở tài khoản tại đơn vị mình cho phù hợp.

Điều 17. Hướng dẫn thực hiện và thi hành.

1. Tổng giám đốc (Giám đốc) các ngân hàng căn cứ các quy định tại Quy chế này, ban hành văn bản về mở và sử dụng tài khoản trong ngân hàng mình phù hợp với đặc thù hoạt động; chịu trách nhiệm theo dõi và tổ chức kiểm tra thực hiện trong đơn vị mình.

2. Vụ trưởng Vụ Kế toán - Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi và xử lý những vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện Quy chế này.

3. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định./.

KT. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước
Phó Thống đốc

VŨ THỊ LIÊN

QUYẾT ĐỊNH số 1287/2002/QĐ-NHNN
ngày 22/11/2002 về việc ban hành
Quy chế Phát hành giấy tờ có
giá của tổ chức tín dụng để huy
động vốn trong nước.

THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG
NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 01/1997/QH10 và Luật Các tổ chức tín dụng số 02/1997/QH10 ngày 12 tháng 12 năm 1997;

Căn cứ Nghị định số 15/CP ngày 02 tháng 3 năm 1993 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách tiền tệ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế Phát hành giấy tờ có giá của tổ chức tín dụng để huy động vốn trong nước.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 1 năm 2003 và thay thế các Quyết định sau đây của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước:

Quyết định số 220/QĐ-NH ngày 27/11/1991 về việc cho phép các ngân hàng thương mại quốc doanh phát hành kỳ phiếu ngân hàng có mục đích; Quyết định số 212/QĐ-NH1 ngày 22/9/1994 về việc ban hành Thẻ lệ phát hành trái phiếu ngân hàng thương mại, ngân hàng đầu tư và phát triển; Quyết định số 07/QĐ-NH1 ngày 25/1/1994 về việc cho phép Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam phát hành kỳ phiếu ngân hàng có mục đích bằng ngoại tệ; Quyết định số 115/QĐ-NH1 ngày 01/6/1994 về việc cho phép Ngân hàng Công thương Việt Nam phát hành kỳ phiếu ngân hàng có mục đích bằng ngoại tệ; Quyết định số 214/QĐ-NH1 ngày 23/9/1994 về việc cho phép Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam phát hành trái phiếu ngân hàng; Quyết định số 243/QĐ-NH1 ngày 30/9/1994 về việc cho phép Ngân hàng Công thương Việt Nam phát hành trái phiếu ngân hàng.

Điều 3. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước; Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố; Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc) tổ chức tín dụng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước

LÊ ĐỨC THÚY

QUY CHẾ Phát hành giấy tờ có giá của tổ chức tín dụng để huy động vốn trong nước

(ban hành kèm theo Quyết định số 1287/2002/QĐ-NHNN ngày 22/11/2002 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước).

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.

1. Quy chế này quy định việc phát hành giấy tờ có giá của tổ chức tín dụng để huy động vốn từ các tổ chức và cá nhân trên phạm vi lãnh thổ Việt Nam.

2. Việc phát hành, niêm yết và giao dịch giấy tờ có giá của tổ chức tín dụng tại thị trường chứng khoán được thực hiện theo các quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 2. Tổ chức tín dụng phát hành giấy tờ có giá.

1. Tổ chức tín dụng phát hành giấy tờ có giá là các tổ chức tín dụng được thành lập và hoạt động theo Luật Các tổ chức tín dụng và đáp ứng các điều kiện quy định tại Quy chế này, bao gồm:

- Các tổ chức tín dụng nhà nước.
- Các tổ chức tín dụng cổ phần của Nhà nước và nhân dân.
- Quỹ Tín dụng nhân dân Trung ương.
- Các tổ chức tín dụng liên doanh.
- Các tổ chức tín dụng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Riêng công ty cho thuê tài chính chỉ được phát hành giấy tờ có giá dài hạn có thời hạn trên 12 tháng.

Điều 3. Người mua giấy tờ có giá.

Người mua giấy tờ có giá gồm:

- Các tổ chức, cá nhân Việt Nam.
- Các tổ chức, cá nhân nước ngoài đang sinh sống và hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.

Điều 4. Giải thích từ ngữ.

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Giấy tờ có giá* là chứng nhận của tổ chức tín dụng phát hành để huy động vốn trong đó xác nhận nghĩa vụ trả nợ một khoản tiền trong một thời hạn nhất định, điều kiện trả lãi và các điều khoản cam kết khác giữa tổ chức tín dụng và người mua.

2. *Giấy tờ có giá ngắn hạn* là giấy tờ có giá có thời hạn dưới 12 tháng, bao gồm kỳ phiếu, chứng chỉ tiền gửi ngắn hạn, tín phiếu và các giấy tờ có giá ngắn hạn khác.

3. *Giấy tờ có giá dài hạn* là giấy tờ có giá có thời hạn từ 12 tháng trở lên, bao gồm trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi dài hạn và các giấy tờ có giá dài hạn khác.

4. *Giấy tờ có giá ghi danh* là giấy tờ có giá phát hành theo hình thức chứng chỉ hoặc ghi sổ có ghi tên người sở hữu. Tổ chức tín dụng phát hành giấy tờ có giá ghi danh phải mở sổ đăng ký quyền sở hữu và tiến hành đăng ký lại khi khách hàng có yêu cầu chuyển nhượng quyền sở hữu.

5. *Giấy tờ có giá vô danh* là giấy tờ có giá phát hành theo hình thức chứng chỉ không ghi tên người sở hữu. Giấy tờ có giá vô danh thuộc quyền sở hữu của người nắm giữ giấy tờ có giá.

6. *Mệnh giá* là số tiền gốc được in sẵn hoặc ghi trên giấy tờ có giá phát hành theo hình thức chứng chỉ hoặc ghi trên Giấy chứng nhận quyền sở hữu đối với giấy tờ có giá phát hành theo hình thức ghi sổ.

7. *Tổng mệnh giá* là tổng các mệnh giá của các giấy tờ có giá do tổ chức tín dụng phát hành trong một năm hoặc trong một đợt phát hành.

8. *Thời hạn giấy tờ có giá* là khoảng thời gian từ ngày tổ chức tín dụng nhận nợ đến hết ngày cam kết thanh toán toàn bộ khoản nợ.

9. *Thời hạn phát hành* là khoảng thời gian từ ngày tổ chức tín dụng bắt đầu phát hành đến hết ngày kết thúc của một đợt phát hành.

10. *Lãi suất cố định* là lãi suất không thay đổi được áp dụng trong suốt thời hạn của giấy tờ có giá.

11. *Lãi suất có điều chỉnh định kỳ* là lãi suất thay đổi định kỳ theo thị trường do tổ chức tín dụng thỏa thuận với người mua khi phát hành.

12. *Trả lãi trước* là việc bán giấy tờ có giá thấp hơn mệnh giá và người mua được thanh toán số tiền bằng mệnh giá khi đến hạn.

13. *Trả lãi một lần khi đến hạn thanh toán* là việc thanh toán tiền lãi một lần khi đến hạn thanh toán cùng với tiền gốc (mệnh giá).

14. *Trả lãi theo định kỳ* là việc trả lãi căn cứ vào phiếu trả lãi theo định kỳ 6 tháng hoặc 1 năm đối với các giấy tờ có giá dài hạn.

Điều 5. Hình thức phát hành.

Tổ chức tín dụng phát hành giấy tờ có giá theo hình thức chứng chỉ và ghi sổ.

1. Hình thức chứng chỉ ghi danh áp dụng đối với người mua là cá nhân. Hình thức chứng chỉ vô danh áp dụng đối với người mua là cá nhân và tổ chức.

2. Hình thức ghi sổ áp dụng đối với người mua là tổ chức có tài khoản tiền gửi tại tổ chức tín dụng phát hành. Trường hợp phát hành theo hình thức ghi sổ, tổ chức tín dụng phát hành cấp chứng nhận quyền sở hữu giấy tờ có giá cho người mua.

Điều 6. Hình thức và các yếu tố của giấy tờ có giá.

1. Giấy tờ có giá phát hành dưới hình thức chứng chỉ phải có các yếu tố sau:

- Tên tổ chức tín dụng phát hành.
- Tên gọi giấy tờ có giá (kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi ngắn hạn, chứng chỉ tiền gửi dài hạn, trái phiếu...).
- Mệnh giá.
- Thời hạn.
- Ngày phát hành.
- Ngày đến hạn thanh toán.
- Lãi suất; phương thức trả lãi; thời điểm, địa điểm trả lãi.
- Phương thức hoàn trả.
- Địa điểm thanh toán tiền gốc giấy tờ có giá.
- Tên người mua giấy tờ có giá, số Giấy chứng minh nhân dân của người mua là cá nhân, địa chỉ của người mua giấy tờ có giá (nếu là giấy tờ có giá ghi danh); hoặc ghi rõ là giấy tờ có giá vô danh.

- Các yếu tố khác như: ký hiệu, số sê ri phát hành, chữ ký của Tổng giám đốc hay người được ủy quyền, chữ ký của kế toán và thủ quỹ của tổ chức tín dụng phát hành.

- Các điều kiện, điều khoản về chuyển nhượng, chiết khấu, cầm cố giấy tờ có giá tại chính tổ chức tín dụng phát hành; xử lý đối với các trường hợp

rủi ro (nhàu nát, rách, mất...); các trường hợp không được thanh toán.

2. Ngoài các yếu tố quy định tại khoản 1 Điều này, tổ chức tín dụng có thể quy định thêm các nội dung ghi chú, chỉ dẫn khác của tổ chức tín dụng phát hành.

3. Đối với giấy tờ có giá phát hành theo hình thức ghi sổ, các yếu tố quy định tại khoản 1 Điều này phải được ghi vào trong Giấy chứng nhận quyền sở hữu giấy tờ có giá đối với người mua trừ các yếu tố về số Giấy chứng minh nhân dân, ký hiệu, số sê ri phát hành.

4. Đối với trường hợp giấy tờ có giá trả lãi theo định kỳ, phiếu lĩnh lãi kèm theo giấy tờ có giá phải có các chi tiết liên quan đến giấy tờ có giá (số sê ri, mệnh giá), lãi suất, số tiền được lĩnh, kỳ hạn lĩnh lãi.

5. Giấy tờ có giá phát hành theo hình thức chứng chỉ phải được thiết kế và in ấn để đảm bảo khả năng chống giả cao.

Điều 7. Đồng tiền phát hành và thanh toán.

1. Giấy tờ có giá được phát hành bằng Đồng Việt Nam hoặc ngoại tệ.

2. Việc phát hành, thanh toán và chuyển nhượng giấy tờ có giá bằng ngoại tệ phải tuân theo các quy định về quản lý ngoại hối của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 8. Phương thức phát hành.

Các tổ chức tín dụng thực hiện phát hành giấy tờ có giá theo các phương thức:

1. Trực tiếp phát hành giấy tờ có giá.
2. Phát hành qua tổ chức tín dụng được làm đại lý hoặc ủy thác phát hành giấy tờ có giá.

Điều 9. Thời hạn phát hành.

Thời hạn phát hành của một đợt phát hành

không quá 60 ngày, bao gồm cả những ngày nghỉ, ngày nghỉ lễ theo quy định của pháp luật. Tổ chức tín dụng chỉ được phát hành vượt thời hạn trên khi được sự chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước.

Điều 10. Lãi suất.

Lãi suất giấy tờ có giá do tổ chức tín dụng phát hành quy định phù hợp với lãi suất thị trường, đảm bảo hiệu quả kinh doanh và an toàn hoạt động cho tổ chức tín dụng.

Điều 11. Thanh toán gốc và lãi.

1. Tổ chức tín dụng thanh toán tiền gốc cho người mua giấy tờ có giá khi giấy tờ có giá đến hạn thanh toán. Tổ chức tín dụng có thể thanh toán trước hạn nếu đã có thỏa thuận với người mua.

2. Tổ chức tín dụng thỏa thuận trả lãi theo lãi suất cố định, lãi suất có điều chỉnh định kỳ.

3. Tổ chức tín dụng thực hiện trả lãi theo phương thức trả lãi trước, hoặc trả lãi một lần khi đến hạn thanh toán, hoặc trả lãi theo định kỳ.

Điều 12. Điều kiện xem xét cho phép phát hành.

Tổ chức tín dụng được xem xét cho phép phát hành các giấy tờ có giá khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

1. Tuân thủ các quy định về các hạn chế để đảm bảo an toàn trong hoạt động theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.

2. Có tình hình tài chính lành mạnh theo đánh giá của Thanh tra ngân hàng.

Điều 13. Thẩm quyền chấp thuận đề nghị phát hành giấy tờ có giá.

1. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chấp thuận

đề nghị phát hành giấy tờ có giá ngắn hạn và dài hạn của các tổ chức tín dụng nhà nước, các tổ chức tín dụng liên doanh, các tổ chức tín dụng nước ngoài, Quỹ Tín dụng nhân dân Trung ương và đề nghị phát hành giấy tờ có giá dài hạn của các tổ chức tín dụng cổ phần của Nhà nước và nhân dân.

2. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ủy quyền cho Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước các tỉnh, thành phố chấp thuận đề nghị phát hành giấy tờ có giá ngắn hạn của các tổ chức tín dụng cổ phần của Nhà nước và nhân dân có trụ sở chính đóng trên địa bàn.

3. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị phát hành của tổ chức tín dụng, Ngân hàng Nhà nước có quyết định chấp thuận hoặc không chấp thuận đề nghị xin phát hành giấy tờ có giá của tổ chức tín dụng.

Điều 14. Nơi gửi hồ sơ đề nghị phát hành.

1. Tổ chức tín dụng nhà nước, tổ chức tín dụng liên doanh, tổ chức tín dụng nước ngoài, Quỹ Tín dụng nhân dân Trung ương gửi hồ sơ đề nghị phát hành giấy tờ có giá ngắn hạn và dài hạn về Ngân hàng Nhà nước Trung ương.

2. Tổ chức tín dụng cổ phần của Nhà nước và nhân dân gửi hồ sơ đề nghị phát hành giấy tờ có giá dài hạn về Ngân hàng Nhà nước Trung ương, gửi hồ sơ đề nghị phát hành giấy tờ có giá ngắn hạn về Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố nơi đóng trụ sở chính.

Điều 15. Chuyển nhượng giấy tờ có giá.

1. Giấy tờ có giá được chuyển nhượng quyền sở hữu dưới các hình thức mua, bán, cho, tặng, trao đổi và thừa kế theo quy định của pháp luật.

2. Thủ tục chuyển nhượng quyền sở hữu:

a) Đối với giấy tờ có giá ghi danh: Người sở hữu

giấy tờ có giá ghi tên, địa chỉ, số Giấy chứng minh nhân dân của người được chuyển nhượng sau đó ký vào mặt sau của giấy tờ có giá và chuyển giao cho người được chuyển nhượng. Người được chuyển nhượng đến tổ chức tín dụng nơi phát hành để đề nghị thay đổi chủ sở hữu đã đăng ký tại tổ chức tín dụng.

b) Đối với giấy tờ có giá vô danh: Giấy tờ có giá vô danh được tự do chuyển nhượng.

Điều 16. Xử lý các trường hợp rủi ro và các trường hợp không được thanh toán.

Việc xử lý các trường hợp rủi ro (nhàu nát, rách, mất,...) và các trường hợp không được thanh toán đối với giấy tờ có giá do tổ chức tín dụng phát hành quy định phù hợp với các quy định của pháp luật và đảm bảo quyền lợi của người sở hữu giấy tờ có giá.

Điều 17. Bảo quản, giao nhận, vận chuyển giấy tờ có giá.

Việc bảo quản, giao nhận, vận chuyển giấy tờ có giá của tổ chức tín dụng thực hiện theo quy định hiện hành của Chính phủ và của Ngân hàng Nhà nước.

Chương II

PHÁT HÀNH GIẤY TỜ CÓ GIÁ NGẮN HẠN

Điều 18. Mệnh giá.

Mệnh giá của giấy tờ có giá ngắn hạn được in sẵn hoặc theo thỏa thuận của tổ chức tín dụng phát hành đối với người mua.

Điều 19. Hồ sơ đề nghị phát hành.

Hồ sơ đề nghị phát hành gồm:

1. Đề nghị phát hành giấy tờ có giá ngắn hạn trong năm tài chính.

2. Kế hoạch phát hành giấy tờ có giá ngắn hạn trong đó nêu rõ mục đích phát hành, phương án sử dụng, tổng số dư giấy tờ có giá ngắn hạn đầu năm tài chính, tổng mệnh giá phát hành giấy tờ có giá ngắn hạn trong năm tài chính, số đợt và thời điểm dự kiến phát hành, tên gọi giấy tờ có giá phát hành, đồng tiền phát hành.

3. Các báo cáo tài chính của hai năm liên tục gần nhất và tính đến thời điểm có đơn đề nghị phát hành. Các tổ chức tín dụng có thời gian hoạt động dưới 2 năm gửi các báo cáo tài chính từ khi bắt đầu hoạt động đến thời điểm có đơn đề nghị phát hành.

4. Kế hoạch kinh doanh trong năm tài chính.

5. Điều lệ và Giấy phép hoạt động (đối với tổ chức tín dụng phát hành lần đầu).

6. Các thay đổi về bộ máy tổ chức và các thay đổi khác (nếu có).

Điều 20. Hình thức xem xét, chấp thuận.

Trên cơ sở xem xét hồ sơ đề nghị phát hành và điều kiện phát hành, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hoặc Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố được ủy quyền ra quyết định chấp thuận hoặc không chấp thuận đối với kế hoạch phát hành giấy tờ có giá ngắn hạn trong cả năm của tổ chức tín dụng.

Điều 21. Tổ chức phát hành.

1. Tổ chức tín dụng chủ động tổ chức các đợt phát hành trong phạm vi kế hoạch phát hành trong cả năm đã được chấp thuận. Tổ chức tín dụng chỉ được phát hành vượt quá kế hoạch phát hành trong cả năm đã được chấp thuận khi có sự chấp thuận bổ sung bằng văn bản của Ngân hàng Nhà nước nơi đã ra quyết định chấp thuận phát hành.

Hồ sơ đề nghị chấp thuận bổ sung gồm: đơn đề nghị phát hành giấy tờ có giá ngắn hạn bổ sung, kế hoạch phát hành giấy tờ có giá ngắn hạn điều chỉnh, và kế hoạch kinh doanh trong năm tài chính điều chỉnh.

2. Trước thời điểm phát hành ít nhất 20 ngày làm việc, tổ chức tín dụng phải gửi Thông báo phát hành của đợt phát hành dự kiến về Ngân hàng Nhà nước nơi đã ra quyết định chấp thuận phát hành. Nếu trước ngày phát hành dự kiến 10 ngày làm việc, Ngân hàng Nhà nước không có ý kiến bằng văn bản thì tổ chức tín dụng được tổ chức phát hành giấy tờ có giá.

3. Thông báo phát hành bao gồm các yếu tố sau:

- Tên tổ chức tín dụng phát hành.
- Tên gọi giấy tờ có giá (kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi ngắn hạn...).
- Tổng mệnh giá của đợt phát hành.
- Thời hạn giấy tờ có giá; hình thức phát hành.
- Ngày phát hành.
- Ngày đến hạn thanh toán.
- Lãi suất; phương thức trả lãi; thời điểm, địa điểm trả lãi.
- Phương thức hoàn trả.
- Địa điểm thanh toán tiền gốc giấy tờ có giá.
- Kết quả phát hành giấy tờ có giá ngắn hạn của các đợt phát hành trước trong năm tài chính (nếu có).
- Các nội dung thông báo khác của tổ chức tín dụng phát hành.

Điều 22. Báo cáo.

Hàng tháng, tổ chức tín dụng báo cáo bằng văn bản về kết quả phát hành giấy tờ có giá ngắn hạn

chậm nhất vào ngày 10 tháng tiếp theo cho Ngân hàng Nhà nước nơi ra quyết định chấp thuận.

Chương III

PHÁT HÀNH GIẤY TỜ CÓ GIÁ DÀI HẠN

Điều 23. Mệnh giá.

1. Mệnh giá của giấy tờ có giá dài hạn bằng Đồng Việt Nam phát hành theo hình thức chứng chỉ tối thiểu là một triệu đồng và tối đa là một tỷ đồng. Các mệnh giá lớn hơn mệnh giá tối thiểu phải là bội số của mệnh giá tối thiểu.

2. Mệnh giá của giấy tờ có giá dài hạn bằng ngoại tệ phát hành theo hình thức chứng chỉ tối thiểu là một trăm Đô la Mỹ hoặc ngoại tệ khác tương đương, tối đa là một trăm nghìn Đô la Mỹ hoặc ngoại tệ khác tương đương. Các mệnh giá lớn hơn mệnh giá tối thiểu phải là bội số của mệnh giá tối thiểu.

3. Mệnh giá của giấy tờ có giá dài hạn là trái phiếu phát hành theo hình thức chứng chỉ được in sẵn trên giấy tờ có giá.

4. Mệnh giá của giấy tờ có giá dài hạn là chứng chỉ tiền gửi dài hạn phát hành theo hình thức chứng chỉ được in sẵn hoặc theo thỏa thuận của tổ chức tín dụng phát hành với người mua.

5. Mệnh giá của giấy tờ có giá dài hạn phát hành theo hình thức ghi sổ do tổ chức tín dụng phát hành thỏa thuận với người mua.

Điều 24. Ngày phát hành và ngày đến hạn thanh toán của giấy tờ có giá dài hạn là trái phiếu.

Giấy tờ có giá dài hạn là trái phiếu phát hành cùng một đợt được ghi cùng ngày phát hành và cùng ngày đến hạn thanh toán.

Điều 25. Hồ sơ đề nghị từng đợt phát hành.

Từng đợt phát hành, tổ chức tín dụng phải gửi đến Ngân hàng Nhà nước hồ sơ đề nghị phát hành giấy tờ có giá dài hạn. Hồ sơ phát hành gồm:

1. Đề nghị phát hành giấy tờ có giá dài hạn.
2. Phương án phát hành giấy tờ có giá dài hạn, trong đó nêu rõ mục đích phát hành, phương án sử dụng, tổng mệnh giá phát hành, mệnh giá, tên gọi của giấy tờ có giá, thời hạn, lãi suất, phạm vi phát hành, cách thức, địa điểm trả gốc và lãi; các điều kiện và điều khoản về quyền và nghĩa vụ của tổ chức tín dụng và người mua. Phương án phát hành giấy tờ có giá dài hạn phải được Hội đồng quản trị thông qua.

3. Các báo cáo tài chính của hai năm liên tục gần nhất và tính đến thời điểm có đơn đề nghị phát hành. Các tổ chức tín dụng có thời gian hoạt động dưới 2 năm gửi các báo cáo tài chính từ khi bắt đầu hoạt động đến thời điểm có đơn đề nghị phát hành. Các báo cáo tài chính phải được một tổ chức kiểm toán được Ngân hàng Nhà nước thừa nhận hoặc Thanh tra ngân hàng xác nhận.

4. Kế hoạch kinh doanh trong năm tài chính.
5. Mẫu giấy tờ có giá dài hạn sẽ phát hành.
6. Điều lệ và Giấy phép hoạt động (đối với tổ chức tín dụng phát hành lần đầu).
7. Các thay đổi về bộ máy tổ chức và các thay đổi khác (nếu có).

Điều 26. Hình thức xem xét, chấp thuận.

Trên cơ sở xem xét hồ sơ đề nghị từng đợt phát hành và điều kiện phát hành, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ra quyết định chấp thuận hoặc không chấp thuận đối với từng đợt phát hành giấy tờ có giá dài hạn của tổ chức tín dụng.

Điều 27. Tổ chức phát hành.

1. Sau khi được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản, các tổ chức tín dụng phải công bố Thông báo phát hành giấy tờ có giá dài hạn trên các phương tiện thông tin đại chúng trong thời gian tối thiểu 5 ngày liên tiếp trước khi phát hành.

2. Thời điểm bắt đầu phát hành giấy tờ có giá dài hạn chậm nhất không quá 45 ngày kể từ khi được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.

3. Tổ chức tín dụng chỉ được phát hành vượt quá tổng mệnh giá đã được chấp thuận khi có sự chấp thuận bổ sung bằng văn bản của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

Hồ sơ đề nghị chấp thuận bổ sung gồm: đơn đề nghị phát hành giấy tờ có giá dài hạn bổ sung, phương án phát hành giấy tờ có giá dài hạn điều chỉnh, và kế hoạch kinh doanh trong năm tài chính điều chỉnh.

Điều 28. Báo cáo.

Chậm nhất sau 10 ngày làm việc kể từ khi kết thúc đợt phát hành, tổ chức tín dụng báo cáo bằng văn bản về kết quả phát hành giấy tờ có giá dài hạn về Ngân hàng Nhà nước (Vụ Chính sách tiền tệ).

Chương IV**TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG,
CÁC ĐƠN VỊ THUỘC NGÂN HÀNG NHÀ
NƯỚC VIỆT NAM VÀ CHI NHÁNH
NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC TỈNH,
THÀNH PHỐ****Điều 29. Trách nhiệm của tổ chức tín dụng.**

1. Công bố công khai về việc phát hành giấy tờ có giá và tổ chức phát hành giấy tờ có giá theo quy định tại Điều 21 và Điều 27 Quy chế này.

2. Thanh toán tiền gốc, lãi đúng hạn và đầy đủ cho người sở hữu giấy tờ có giá.

3. Thực hiện báo cáo kết quả phát hành theo quy định tại Điều 22 và Điều 28 Quy chế này.

Điều 30. Trách nhiệm của Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố.

1. Tiếp nhận hồ sơ đề nghị phát hành giấy tờ có giá ngắn hạn, thông báo phát hành giấy tờ có giá ngắn hạn, báo cáo kết quả phát hành giấy tờ có giá ngắn hạn của các tổ chức tín dụng cổ phần của Nhà nước và nhân dân trên địa bàn.

2. Xem xét, quyết định đề nghị phát hành giấy tờ có giá ngắn hạn của các tổ chức tín dụng cổ phần của Nhà nước và nhân dân trên địa bàn.

3. Phối hợp với Vụ Chính sách tiền tệ để xem xét trình Thống đốc quyết định việc phát hành giấy tờ có giá dài hạn của các tổ chức tín dụng cổ phần của Nhà nước và nhân dân trên địa bàn.

4. Chậm nhất vào ngày 15 tháng sau, báo cáo Ngân hàng Nhà nước (Vụ Chính sách tiền tệ) về kết quả phát hành giấy tờ có giá ngắn hạn tháng trước của các tổ chức tín dụng cổ phần của Nhà nước và nhân dân trên địa bàn.

Điều 31. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

1. Vụ Chính sách tiền tệ:

a) Tiếp nhận hồ sơ đề nghị phát hành giấy tờ có giá ngắn hạn và dài hạn, thông báo phát hành giấy tờ có giá ngắn hạn, báo cáo kết quả phát hành giấy tờ có giá ngắn hạn và dài hạn của các tổ chức tín dụng nhà nước, tổ chức tín dụng liên doanh, tổ chức tín dụng nước ngoài, Quỹ Tín dụng nhân dân Trung ương.

b) Tiếp nhận hồ sơ đề nghị phát hành giấy tờ có giá dài hạn, báo cáo kết quả phát hành giấy tờ

có giá dài hạn của các tổ chức tín dụng cổ phần của Nhà nước và nhân dân.

c) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xem xét đề nghị phát hành giấy tờ có giá của tổ chức tín dụng để trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định.

d) Nghiên cứu tình hình phát hành giấy tờ có giá của các tổ chức tín dụng để kiến nghị Thống đốc Ngân hàng Nhà nước sửa đổi, bổ sung những quy định về phát hành giấy tờ có giá của các tổ chức tín dụng.

2. Vụ Các ngân hàng và tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

Phối hợp với Vụ Chính sách tiền tệ để xem xét trình Thống đốc quyết định việc phát hành giấy tờ có giá của các tổ chức tín dụng.

3. Thanh tra ngân hàng:

a) Phối hợp và cung cấp cho Vụ Chính sách tiền tệ tình hình hoạt động của các tổ chức tín dụng qua quá trình thanh tra, giám sát từ xa đối với các tổ chức tín dụng để trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét quyết định về việc phát hành giấy tờ có giá của tổ chức tín dụng.

b) Thanh tra, giám sát việc phát hành giấy tờ có giá của tổ chức tín dụng; xử lý theo thẩm quyền và kiến nghị Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xử lý các trường hợp vi phạm các quy định tại Quyết định này.

4. Vụ Quản lý ngoại hối:

Phối hợp với Vụ Chính sách tiền tệ để xem xét trình Thống đốc quyết định việc phát hành giấy tờ có giá bằng ngoại tệ của các tổ chức tín dụng.

5. Vụ Kế toán - Tài chính:

Hướng dẫn hệ thống tài khoản và việc hạch toán nghiệp vụ phát hành giấy tờ có giá ngắn hạn và dài hạn của các tổ chức tín dụng.

6. Vụ Nghiệp vụ phát hành và kho quỹ:

lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

a) Tư vấn cho các tổ chức tín dụng về thiết kế mẫu và in giấy tờ có giá đảm bảo chống giả.

Điều 33. Sửa đổi, bổ sung.

b) Tổ chức thiết kế, in giấy tờ có giá và cung cấp ấn chỉ trắng khi tổ chức tín dụng yêu cầu.

Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định./.

Điều 32. Xử lý vi phạm.

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước

Các tổ chức và cá nhân vi phạm các quy định tại Quy chế này tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính trong

LÊ ĐỨC THÚY